

Bản án số: 215/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v “Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình - ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thành Phước.
- Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2024 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 167/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/9/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: bà Trần Thị N, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: sau thời gian tìm hiểu, ông Nguyễn Văn H (sau đây gọi là ông H) với bà Trần Thị N (sau đây gọi là bà N) tiến đến hôn nhân vào năm 1986, không tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 06/10/1999. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc và có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1994; Nguyễn Văn H2, sinh năm 2005. Tuy nhiên, đến năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bà N1 không chung thủy với ông H, có mối quan hệ tình cảm với người khác. Mặc dù ông H nhiều lần khuyên ngăn nhưng bà N vẫn không thay đổi, từ đó vợ chồng không còn tình cảm và ly thân cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà N; về con chung đã trưởng thành, tự lao động nên không yêu cầu giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các điều 70, 71; bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên đã vi phạm các điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 8, 9, 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn H.

+ Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Trần Thị N.

+ Về con chung: các con chung đều trưởng thành nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: ông H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: theo đơn khởi kiện, ông H yêu cầu ly hôn với bà N. Vì vậy, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị N có nơi cư trú tại xã V, huyện T, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập họp lệ bà N đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập bà N đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: ông H và bà N tiến đến hôn nhân vào năm 1996, có đăng ký kết hôn nên được UBND xã V, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 06/10/1999. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của ông H và bà N phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông H thấy rằng, ông H và bà N sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Ông H cho rằng bà N không chung thủy với ông H, từ đó vợ chồng đã ly thân, bỏ mặc nhau từ năm 2021 cho đến nay.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần tổng đạt họp lệ cho bà N thông báo hòa giải, nhằm tạo điều kiện cho bà N và ông H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N đều vắng mặt, không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án. Tại phiên tòa, ông H xác định không còn tình cảm vợ chồng nên giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà N.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà N mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H.

[4] Về quan hệ con chung: ông H và bà N có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1994; Nguyễn Văn H2, sinh năm 2005. Các con chung đều trưởng thành, tự lao động nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông H yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

1.1. Về hôn nhân: ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Trần Thị N.

1.2. Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1987; Nguyễn Thị H1, sinh năm 1994; Nguyễn Văn H2, sinh năm 2005 đều trưởng thành.

1.3. Về tài sản chung: không có.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận ông H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị N vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0014055 ngày 04/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (ông H đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Trần Văn Hân Em